TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2023
"Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Nam**.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lã Thị Nhung** và ông **Nguyễn Đức Đông**.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị May** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà **Nguyễn Thu Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980.

HKTT: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Vũ Tiến Th**, sinh năm 1974.

HKTT: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại đội 8, phân trại II, trại giam số 5, Cục C10, Bộ Công an.

Chị T, anh Th vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Tiến Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Tuy (nay là xã Vĩnh Hưng), huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/9/2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th ham chơi, nghiện ma túy, đã 02 lần phải chấp hành án phạt tù về tội phạm liên quan đến ma túy, không chịu làm ăn và không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần tham gia góp ý nhưng anh Th không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị xác định T cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Tòa

án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Chị và anh Th có ba con chung: Vũ Kiều Tr1, sinh ngày 26/02/2002, Vũ Tiến Đức Tr2, sinh ngày 16/5/2005 và Vũ Yến Tr3, sinh ngày 28/01/2011. Hiện cháu Tr1 và cháu Tr2 đã trên 18 tuổi và đang đi học tập, lao động tại nước ngoài, còn cháu Tr3 đang ở cùng chị. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tr3 và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Vũ Tiến Th trình bày:

Anh và chị T kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy (nay là xã Vĩnh Hưng), huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, vui vẻ, tuy nhiên không tránh khỏi mâu thuẫn do tính cách không hợp, quan điểm bất đồng. Anh thừa nhận có mải chơi, sa vào tệ nạn xã hội, hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5, Cục C10, Bộ Công an (tại Yên Định, Thanh Hóa). Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến tương lai của các con. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và giải quyết vụ án vắng mặt anh do anh đang phải chấp hành án phạt tù.

Anh xác định vợ chồng có ba con chung Vũ Kiều Tr1, sinh ngày 26/02/2002, Vũ Tiến Đức Tr2, sinh ngày 16/5/2005 và Vũ Yến Tr3, sinh ngày 28/01/2011. Hiện cháu Tr1 và cháu Tr2 đã trên 18 tuổi, trưởng Th, còn cháu Tr3 đang ở cùng chị T. Do anh đang chấp hành án, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Tr3 cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị T, anh Th chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Tiến Th. *Về quan hệ con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Yến Tr3, sinh ngày 28/01/2011 đến khi con chung Vũ Yến Tr3 đủ 18 tuổi, trưởng Th. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. *Về quan hệ tài sản:* Chị T, anh Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, anh Vũ Tiến Th là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị T, anh Th đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Tiến Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Vĩnh Tuy (nay là xã Vĩnh Hưng), huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2001, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Tiến Th là hợp pháp.

Quá trình làm việc với Tòa án, nguyên đơn và những người được Tòa án xác minh, lấy lời khai đều xác định khoảng 10 năm trở lại đây vợ chồng anh Th, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, ham chơi, nghiện ma túy, đã nhiều lần bị bắt, bị xử phạt tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Bản thân anh Th cũng thừa nhận vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ nhiều năm nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào T trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T ly hôn anh Th.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Th có ba con chung là Vũ Kiều Tr1, sinh ngày 26/02/2002, Vũ Tiến Đức Tr2, sinh ngày 16/5/2005 và Vũ Yến Tr3, sinh ngày 28/01/2011. Hiện cháu Tr1 và cháu Tr2 đã trên 18 tuổi, trưởng Th, cháu Tr3 đang ở cùng chị T. Do anh Th đang chấp hành án tại Trại giam số 5, Cục C10, Bộ Công an (tại Yên Định, Thanh Hóa) nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T xin nuôi dưỡng con chung Vũ Yến Tr3, anh Th nhất trí. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp tâm tư nguyện vọng của chị T, anh Th và con chung, cần giao con chung Vũ Yến Tr3 cho chị T nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị T, anh Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Tiến Th.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Yến Tr3, sinh ngày 28/01/2011(hiện đang ở cùng chị T) đến khi con chung Vũ Yến Tr3 đủ 18 tuổi, trưởng Th. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004388 ngày 18/10/2023. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4- Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã Vĩnh Hưng, Bình Giang, Hải Dương;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Nam

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Nam